

Yên Thọ, ngày 02 tháng 8 năm 2021

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục năm học 2020 - 2021

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	452	116	112	125	99
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	381(84.29)	98(84.48)	80(71.43)	110(88.0)	93(93.94)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	63(13.94)	15(12.93)	27(24.11)	15(12.0)	6(6.06)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	8(1.77)	3(2.59)	5(4.46)		
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
II	Số học sinh chia theo học lực	452	116	112	125	99
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	120(26.55)	38(32.76)	34(30.36)	28(22.4)	20(20.2)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	234(51.77)	60(51.72)	48(42.86)	75(60.0)	51(51.52)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	95(21.02)	15(12.93)	30(26.79)	22(17.6)	28(28.28)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	3(0.66)	3(2.59)			
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	449(99.36)	113(97.4)	100	100	100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	120(26.55)	38(32.76)	34(30.36)	28(22.4)	20(20.2)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	234(51.77)	60(51.72)	48(42.86)	75(60.0)	51(51.52)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	3(2.59)		0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi	29/17	2/9	2/1	3/4	22/3
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi HSG	2				2
	Cấp Thị xã					2
	Cấp tỉnh					0
	Cấp quốc gia					0
V	Số HS dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					99
VI	Số HS được công nhận tốt nghiệp					99
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung Bình (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	206	68/48	56/56	73/52	49/50
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	9	4	1	3	1

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thúy Liễu